

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-ST

Ngày: 01-7-2022

V/v “Tranh chấp ranh giới QSD đất;
Tranh chấp BTTH về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng

Ông Trần Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh: Bà Phạm Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020, về việc “*Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất; Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Hạnh T, sinh năm 1964 (*có mặt*)

Bà Lê Thu Tr, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: Số nhà 490, đường Nguyễn Hữu Kiến, ấp Hòa Long, xã H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1940

Địa chỉ: Số nhà 486, đường Nguyễn Hữu Kiến, ấp Hòa Long, xã H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Đỗ Hữu Tr, sinh năm 1987

2/ Chị Lê Thị H, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Số nhà 486, đường Nguyễn Hữu Kiến, ấp Hòa Long, xã H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, anh Tr, chị H là anh Phạm Xuân Th, sinh năm: 1987; Địa chỉ: 390N1, Trần Nam Phú, phường K, quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ. *(có mặt)*

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 264, đường Nguyễn Tri Phương, phường K, quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ.

3/ Võ Lê Gia H, sinh năm 1995

4/ Võ Lê Quang H, sinh năm 2001

Cùng địa chỉ: Số nhà 490, đường Nguyễn Hữu Kiến, ấp Hòa Long, xã H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trang, anh Gia H, anh Quang H là ông Võ Hạnh T.

5/ Võ Hạnh Th, sinh năm 1962 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Số nhà 621, ấp An Thuận, xã M, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

6/ Ngân hàng thương mại cổ phần B *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Số nhà 214-216-218-220, đường Nguyễn Huệ, Phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Võ Hạnh T và là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thu Tr trình bày:

Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại Tổ 16, ấp Hòa Long, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, được Ủy ban nhân thành phố Cao Lãnh cấp ngày 02/8/2006 cho hộ ông T. Phần đất này ông T mua của bà Võ Thị H và giáp ranh với thửa đất số 121, tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân thành phố Cao Lãnh cấp ngày 10/7/2012 cho ông Đỗ Văn L.

Thửa đất số 120, tờ bản đồ 02, được Ủy ban nhân thành phố Cao Lãnh cấp ngày 05/4/2007 cho ông Võ Hạnh T. Phần đất này có nguồn gốc đất do cha mẹ ông T để lại cho ông T, ông T là người trực tiếp canh tác đất từ năm 1978 và thửa đất này giáp với thửa số 121 của ông Lợi.

Phần đất cặp ranh đất ông L thì cha mẹ ông T có trồng và để lại cho ông T hưởng hàng sao gồm khoảng 17 gốc và đã được trồng khoảng 40 năm có chiều hoành từ 90 - 120cm, năm 2014 gia đình ông T đốn hàng sao.

Thửa đất 193 ông L đã lấn chiếm đất của ông T và bà Tr có diện tích đất là 88,7m²;

Thửa đất số 120 ông L đã lấn chiếm đất của ông T và bà Tr diện tích là 99,7m² và ông Tr (con ông L) đã xây hàng rào lưới B40 khoảng 20m và trồng khoảng 20 cây dừa và 08 cây mít trên phần đất lấn chiếm.

Nay, ông T và bà Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh giải quyết buộc ông L trả lại diện tích 88,7m² thuộc thửa đất số 193 và diện tích 99,7m² thuộc thửa số 120 cho ông T, bà Tr và yêu cầu ông L, anh Tr, chị H tháo dỡ di dời cây trồng và vật kiến trúc ra khỏi phần đất tranh chấp và trồng lại trụ đá mà anh Tr đã nhỏ tại vị trí mốc số 08 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh.

Ngoài ra, ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr khởi kiện yêu cầu anh Đỗ Hữu Tr phải bồi thường thiệt hại cây trồng và tài sản là cổng hàng rào bị hư hỏng với số tiền 20.000.000 đồng cụ thể như sau:

Ngày 14/3/2020 anh Tr đón 04 cây Bạch Đàn khoảng 10 năm tuổi x 500.000 đồng/cây = 2.000.000 đồng.

Ngày 20/3/2020 anh Tr tiếp tục đón 04 cây Xoài và làm hư hại hoàn toàn 01 cây Xoài: 5 cây x 3.500.000 đồng/cây = 17.500.000 đồng.

Ngày 15/4/2020 anh Tr ném đá vào cổng hàng rào làm hư hỏng giá trị 500.000 đồng.

Tại phiên tòa ông T đồng ý giá Hội đồng thẩm định giá đã định đối với đất và cây trồng trên phần đất tranh chấp. Ông T thống nhất diện tích đất tranh chấp theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh.

Xin rút lại yêu cầu bồi thường thiệt hại cổng hàng rào bị hư hỏng giá trị 500.000 đồng đối với anh Đỗ Hữu Tr.

Tại phiên hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Văn L, anh Đỗ Hữu Tr, chị Lê Thị H có anh Phạm Xuân Th trình bày:

Không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông T và bà Tr. Phần đất của ông L được xác định tại mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 25, 22, 26, 27, 28 về mốc 1 có nguồn gốc từ ông bà để lại cho ông L sử dụng từ trước đến nay nên không có việc lấn ranh như ông T và bà Tr khởi kiện. Đối với yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại của ông T và bà Tr đối với anh Tr đã đón cây trồng trên phần đất đang tranh chấp thì về vấn đề này phía anh Tr không đồng ý bồi thường theo yêu cầu khởi kiện của ông T và bà Tr. Bởi, ông T và bà Tr tự ý trồng cây trên phần đất của gia đình anh Tr, phía gia đình anh Tr đã nhắc nhở nhiều lần nhưng phía ông T và bà Tr vẫn cố tình trồng cây nên anh Tr mới đón. Do đó, phía anh Tr không đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông T và bà Tr. Về số lượng cây trồng do anh Tr đón thì thống nhất với số lượng cây ông T và bà Tr trình bày.

Về mức giá đất và cây trồng thì thống nhất với giá do Hội đồng thẩm định giá đã định. Thống nhất với diện tích đo đạc theo sơ đồ đo đạc của Chi

nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh ngày 13/5/2020 và 23/12/2020.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đến nay đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông Võ Hạnh Th và Ngân hàng thương mại cổ phần B hợp lệ nhưng ông Th và Ngân hàng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm, đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr đối với ông Đỗ Văn L trong tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr đối với anh Đỗ Hữu Tr trong tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản. Buộc anh Đỗ Hữu Tr phải bồi thường thiệt hại cho ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr đối với số cây trồng do anh Đỗ Hữu Tr đã đốn. Cụ thể số tiền bồi thường theo mức giá do Hội đồng thẩm định giá đã định có mức giá là: 05 cây Xoài x 1.800.000 đồng/cây = 9.000.000 đồng; 04 cây Bạch Đàn x 230.000 đồng/cây = 920.000 đồng. Tổng cộng là 9.920.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Võ Hạnh T và là đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thu Tr có yêu cầu rút lại đối với anh Đỗ Hữu Tr phần yêu cầu bồi thường thiệt hại cổng hàng rào nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của ông Võ Hạnh T, bà Lê Thu Tr và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất; Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản. Phần đất tranh chấp tọa lạc xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông T, bà Tr và ý kiến trình bày của đại diện theo ủy quyền của ông L, anh Tr, chị H. Hội đồng xét

xử xét thấy về xác định ranh giới quyền sử dụng đất và yêu cầu bị đơn trả diện tích đất $88,7\text{m}^2$ tại các mốc 7, 8, 25, 24 về mốc 7 và diện tích đất $99,7\text{m}^2$ tại các mốc 22, 23, 24, 25 về mốc 22 được thể hiện trên sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh ngày 23/12/2020. Tại hồ sơ cấp đất của ông T và ông L có ký xác định ranh giới khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa ông T và ông L. Theo diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T tại thửa 120, diện tích $908,8\text{m}^2$ nhưng diện tích thực đo chưa tính phần đất tranh chấp là $917,4\text{m}^2$ (Dư $8,6\text{m}^2$) tại các mốc 8, 9, 10, 10A, 14, 15, 16, 17, 18, 25, 7 về mốc 8. Phần đất tranh chấp có diện tích $99,7\text{m}^2$ tại các mốc 8, 7, 25, 24 về mốc 8. Như vậy, theo ông T xác định phần đất thực đo của ông tại thửa 120 có diện tích $1.017,1\text{m}^2$ so với diện tích ông T được cấp là $908,8\text{m}^2$ (Dư $108,3\text{m}^2$).

Theo diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T tại thửa 193, diện tích $1.277,9\text{m}^2$ nhưng diện tích thực đo chưa tính phần đất tranh chấp có diện tích là $1.257,4\text{m}^2$ (Thiếu $20,5\text{m}^2$) tại các mốc 25, 17, 18, 19, 20, 21, 22 về mốc 25. Phần đất tranh chấp có diện tích đất $88,7\text{m}^2$ tại các mốc 24, 25, 22, 23 về mốc 24. Như vậy, theo ông T xác định phần đất thực đo của ông tại thửa 193 có diện tích $1.346,1\text{m}^2$ so với diện tích ông T được cấp là $1.277,9\text{m}^2$ (Dư $68,2\text{m}^2$).

Theo diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L tại thửa 121, diện tích $3.681,4\text{m}^2$ nhưng diện tích thực đo chưa tính phần đất tranh chấp có diện tích là $3.482,2\text{m}^2$ (Thiếu $199,2\text{m}^2$) tại các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 6A, 8, 7, 24, 23, 22, 26, 27, 28 về mốc 1. Phần đất tranh chấp có diện tích $99,7\text{m}^2$ và $88,7\text{m}^2$ tại các mốc 8, 7, 25, 22, 23, 24, 7 về mốc 8 theo ông L xác định phần đất này nằm trong thửa 121 có diện tích $3.670,7\text{m}^2$ (so với diện tích ông L được cấp là $3.681,4\text{m}^2$ thì đất ông L vẫn còn thiếu $10,7\text{m}^2$).

Như vậy, phần đất tại thửa 120 và 193 do ông T đang sử dụng có tổng diện tích thực đo là $2.174,8\text{m}^2$ (chưa tính phần đất tranh chấp) nhưng theo giấy chứng nhận được cấp 02 thửa trên là $2.186,7\text{m}^2$ (thiếu $11,9\text{m}^2$), nếu tính luôn phần đất tranh chấp thì ông T dư $176,5\text{m}^2$. Trong khi phần đất ông L được cấp $3.681,4\text{m}^2$ nhưng diện tích thực đo tính luôn phần đất tranh chấp thì ông L vẫn còn thiếu $10,7\text{m}^2$.

Xét thấy, phần đất của ông T được cấp năm 2006, 2007 với diện tích 02 thửa là $2.186,7\text{m}^2$ và tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L năm 2012 với diện tích $3.681,4\text{m}^2$ và ông T có ký xác định ranh với ông L trong hồ sơ cấp đất cho ông L. Đồng thời, phần diện tích đất của ông T và ông L sử dụng thực tế đều giảm so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc ông T cho rằng ông L lấn ranh với tổng diện tích là $188,4\text{m}^2$ là không có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị cây trồng của ông T và bà Tr đối với anh Tr là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, trên phần đất tranh chấp có cây trồng của ông T và bà Tr nhưng vụ án đang trong quá trình Tòa án thụ lý giải

quyết mà chưa có quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật nhưng anh Tr tự ý đốn cây trồng của ông T và bà Tr trên phần đất tranh chấp là không đúng nên anh Tr phải bồi thường thiệt hại đối với giá trị cây trồng của ông T và bà Tr. Ông T và bà Tr cho rằng anh Tr đốn 04 cây Bạch Đàn loại lớn (Loại A), 04 cây Xoài đang cho trái và 01 cây Xoài đang cho trái bị đốn nhánh nhưng bị hư hại hoàn toàn. Qua Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/12/2020 thể hiện cây trồng của ông T và bà Tr trên phần đất tranh chấp bị anh Tr đốn gồm có 02 cây Xoài, 01 cây Bạch Đàn; Phần cây trồng do anh Tr đốn nằm ngoài diện tích đất tranh chấp nhưng trên phần đất của ông T và bà Tr đang quản lý, sử dụng gồm có 02 cây Bạch Đàn, 02 cây Xoài và 01 Xoài bị đốn nhánh nhưng không phục hồi được và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của anh Tr cũng thừa nhận đối với cây trồng do anh Tr đốn phù hợp lời khai của ông T và bà Tr. Như vậy, anh Tr phải bồi thường thiệt hại số cây trồng do anh Tr đốn của ông T và bà Tr theo giá do Hội đồng thẩm định giá đã định là phù hợp. Cụ thể mức giá đã định là 04 cây Bạch Đàn (Loại A) x 230.000 đồng/cây = 920.000 đồng; 05 cây Xoài (loại A) x 1.800.000 đồng/cây = 9.000.000 đồng. Tổng cộng thiệt hại là 9.920.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa ông Võ Hạnh T và cũng là đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thu Tr có yêu cầu rút lại yêu cầu cầu khởi kiện đối với anh Đỗ Hữu Tr phần yêu cầu bồi thường thiệt hại cổng hàng rào nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ chấp nhận.

[6] *Về chi phí tố tụng*: Do yêu cầu của ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr đối với ông Đỗ Văn L trong tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất không được chấp nhận nên ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr phải chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá đối với phần đất tranh chấp.

Do yêu cầu của ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr đối với anh Đỗ Hữu Tr trong tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản được chấp nhận nên anh Đỗ Hữu Tr phải chịu chi phí định giá tài sản 400.000 đồng và chi phí xem xét thẩm định bổ sung cây trồng trên đất là 300.000 đồng.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất của ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr không được chấp nhận nên ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật (Số tiền chịu án phí được tính theo giá đất do Hội đồng thẩm định giá đã định nhân cho diện tích đất tranh chấp không được chấp nhận).

Do yêu cầu tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản của ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr được chấp nhận nên anh Đỗ Hữu Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; 166; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 175; Điều 584; Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr đối với ông Đỗ Văn L.

Ông Đỗ Văn L được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất 88,7m² tại các mốc 24, 25, 22, 23 về mốc 24 và diện tích đất 99,7m² tại các mốc 7, 8, 25, 24 về mốc 7, đất tọa lạc tại ấp Hòa Long, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr đối với anh Đỗ Hữu Tr.

Buộc anh Đỗ Hữu Tr bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr số tiền 9.920.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr đối với phần rút yêu cầu bồi thường thiệt hại công hàng rào đối với anh Đỗ Hữu Tr.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án và sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà anh Tr chưa thi hành xong số tiền trên thì anh Tr phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr phải chịu 894.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 556.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0001535 ngày 02/3/2020 và số tiền 500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0007151 ngày 14/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr được nhận lại số tiền 162.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Đỗ Hữu Tr phải chịu 496.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về chi phí tố tụng:* Tổng chi phí là 13.836.430 đồng. Ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr đã tạm ứng và chi xong.

+ Ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr phải chịu 13.136.430 đồng nhưng ông Võ Hạnh T, bà Lê Thu Tr đã tạm ứng và chi xong, ông Võ Hạnh T và bà

Lê Thu Tr được nhận lại số tiền 700.000 đồng. Anh Đỗ Hữu Tr phải trả cho ông Võ Hạnh T và bà Lê Thu Tr 700.000 đồng chi phí tố tụng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Mỹ